

Số: 8892/BC-BV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện 6 tháng cuối năm 2023

Nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đáp ứng sự hài lòng của bà mẹ sinh con tại bệnh viện đồng thời cải tiến phương thức phục vụ người bệnh ngày càng tốt hơn, bệnh viện đã triển khai việc khảo sát thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện năm 2023, kết quả khảo sát thu được như sau:

I. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

I. Thông tin chung

Khảo sát trên 100 bà mẹ thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện, thu được kết quả như sau:

| Biến số | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|-----------------|-----------------|---------------|--------------|
| Tuổi | < 26 tuổi | 34 | 34,0 |
| | Từ 26 - 35 tuổi | 52 | 52,0 |
| | > 35 tuổi | 14 | 14,0 |
| Số lần vào viện | Lần đầu | 33 | 33,0 |
| | Từ 2-3 lần | 35 | 35,0 |
| | Trên 3 lần | 32 | 32,0 |
| Hình thức sinh | Sinh thường | 60 | 60,0 |
| | Sinh mổ | 40 | 40,0 |

Nhận xét: Đa số bà mẹ thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện tham gia nghiên cứu có tuổi từ 26-35 tuổi chiếm tỷ lệ 52,0%. Tỷ lệ bà mẹ thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện Thành phố Thủ Đức từ 2 tới 3 lần chiếm tỷ lệ cao nhất (35,0%). Về hình thức sinh, tỷ lệ bà mẹ thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện tham gia nghiên cứu sinh thường chiếm tỷ lệ cao nhất với 60,0%.

| Nội dung | Trung bình | Min | Max |
|-----------------------|------------|-----|-----|
| Tổng số ngày nằm viện | 3,81 | 1 | 10 |
| Số lần sinh con | 1,92 | 1 | 5 |

Nhận xét: Trong 100 các bà mẹ được hỏi, tổng số ngày nằm viện trung bình của các bà mẹ sinh con tại bệnh viện là 3,81 ngày. Trong đó, thời gian nằm viện ít nhất 1 ngày, nhiều nhất là 10 ngày. Trung bình số lần sinh con tại bệnh viện của bà mẹ tham gia nghiên cứu là 1,92 lần, ít nhất là sinh 01 lần và số lần sinh con tại bệnh viện nhiều nhất là 05 lần.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ

Bảng 1.1. Quy định thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ

| | Nội dung | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|---|-----------------|------------|-----------|
| Chị có thấy “Quy định thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ” tại bệnh viện? | Khoa khám | 62 | 62,0 |
| | Phòng chờ sinh | 53 | 53,0 |
| | Phòng sau sinh | 71 | 71,0 |
| | Phòng tư vấn | 40 | 40,0 |
| | Nơi khác | 04 | 4,0 |
| | Không nhìn thấy | 00 | 0,0 |

Nhận xét: Trong 100 bà mẹ được phỏng vấn, Tỷ lệ bà mẹ có nhìn thấy quy định thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại phòng sau sinh là cao nhất 71,0%; tiếp đến là khoa khám 62,0%; phòng chờ sinh 53,0%; phòng tư vấn là 40,0%.

Bảng 1.2. Tranh ảnh, tờ rơi tuyên truyền về nuôi con bằng sữa mẹ

| | Nội dung | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|--|---------------------|------------|-----------|
| Chị có thấy tranh ảnh, tờ rơi tuyên truyền về nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện không? | Khoa khám | 59 | 59,0 |
| | Phòng chờ sinh | 54 | 54,0 |
| | Phòng/khoa sau sinh | 72 | 72,0 |
| | Buồng bệnh | 45 | 45,0 |
| | Phòng tư vấn | 40 | 40,0 |
| | Nơi khác | 04 | 4,0 |
| | Không nhìn thấy | 00 | 0,0 |

Nhận xét: Trong 100 bà mẹ được phỏng vấn, Tỷ lệ bà mẹ thấy tranh ảnh, tờ rơi tuyên truyền về nuôi con bằng sữa mẹ tại phòng sau sinh chiếm tỷ lệ cao nhất với 72,0%, tiếp

đến tỷ lệ bà mẹ có thấy tranh ảnh, tờ rơi tuyên truyền về nuôi con bằng sữa mẹ tại khoa khám là 59,0%, tại phòng chờ sinh là 54,0%, có thấy tại buồng bệnh 45,0%, phòng tư vấn 40,0% và một số ít có thấy thêm ở nơi khác. Như vậy, hiện nay việc những hình ảnh, tờ rơi về thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ được bệnh viện đặt hầu hết tại vị trí ở khoa sản để tuyên truyền đến cho các bà mẹ một cách nhanh nhất việc nuôi con bằng sữa mẹ.

Bảng 1.3. Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|--|------------------------------------|------------|-----------|
| Chỉ có được bệnh viện tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ không? | Bệnh viện không tư vấn | 00 | 0,0 |
| | Tư vấn khi khám thai tại bệnh viện | 52 | 52,0 |
| | Tư vấn trước sinh | 54 | 54,0 |
| | Tư vấn sau sinh | 72 | 72,0 |

Nhận xét: Trong 100 bà mẹ được phỏng vấn, tỷ lệ các bà mẹ được nhân viên y tế tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ thời điểm sau sinh chiếm tỷ lệ cao nhất là 72,0%; tiếp đến tư vấn trước sinh 54,0%; tư vấn khi khám tại bệnh viện 52,0%.

Bảng 1.4. Hiểu được nội dung nuôi con bằng sữa mẹ do bệnh viện tư vấn

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|---|--------------------------------------|------------|-----------|
| Nếu được tư vấn, chị có hiểu nội dung nuôi con bằng sữa mẹ không? | Bệnh viện không tư vấn | 00 | 0,0 |
| | Có được tư vấn nhưng không hiểu | 01 | 1,0 |
| | Có hiểu nhưng không nhớ phải làm gì | 03 | 3,0 |
| | Có hiểu và có nhớ cần làm gì | 37 | 37,0 |
| | Có hiểu và tâm đắc với ý nghĩa NCBSM | 59 | 59,0 |

Nhận xét: Trong 100 bà mẹ được phỏng vấn, Tỷ lệ 59,0% bà mẹ có hiểu nội dung tư vấn và tâm đắc với ý nghĩa nuôi con bằng sữa mẹ, tiếp đến 37,0% có hiểu và có nhớ cần làm những gì, 3,0% là tỷ lệ có hiểu nhưng không nhớ phải làm gì. Đặc biệt có tỷ lệ 1.0% bà mẹ có được tư vấn nhưng không hiểu và không có trường hợp bệnh viện không tư vấn.

Bảng 1.5. Bao lâu thì hai mẹ con được cắt dây rốn

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|---|-------------------------------|------------|-----------|
| Sau khi sinh bao lâu thì hai mẹ con được cắt dây rốn? | Cắt dây rốn ngay sau sinh | 56 | 56,0 |
| | Cắt dây rốn chậm | 13 | 13,0 |
| | Không nhớ, không biết số phút | 31 | 31,0 |
| Ước tính số phút chậm trễ cắt dây rốn | | 3,0(phút) | |

Nhận xét: Trong số 100 bà mẹ được phỏng vấn, khi được hỏi các bà mẹ về việc bao lâu thì hai mẹ con được cắt dây rốn, tỷ lệ 56,0% cắt dây rốn ngay sau sinh, 13,0% cắt dây rốn chậm trung bình là 3 phút sau khi sinh hai mẹ con được cắt dây rốn., 31,0% không nhớ rõ về việc cắt dây rốn lúc nào, không nhớ số phút.

Bảng 1.6. Thực hiện da kề da sau sinh

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|--|-------------------------------|------------|-----------|
| Hai mẹ con có thực hiện da kề da sau sinh không? | Có được thực hiện da kề da | 92 | 92,0 |
| | Không được thực hiện da kề da | 08 | 8,0 |
| Số phút thực hiện da kề da | | 31,2(phút) | |

Nhận xét: Đa số bà mẹ tham gia nghiên cứu đều thực hiện da kề da số phút trung bình là 31,2 phút, trong đó ít nhất là 01 phút, nhiều nhất là 90 phút.

Bảng 1.7. Trẻ được bú mẹ lần đầu tiên

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|---|--------------------------------------|------------|-----------|
| Kể từ khi trẻ được sinh ra, trẻ bú mẹ lần đầu tiên bao lâu? | Bú ngay lập tức sau khi sinh | 35 | 35,0 |
| | Trong vòng khoảng 30 phút | 29 | 29,0 |
| | Trong vòng khoảng 1 giờ | 07 | 7,0 |
| | Trong vòng khoảng 2 giờ | 02 | 2,0 |
| | Từ 2 đến 24 giờ | 14 | 14,0 |
| | Sau 1 ngày | 05 | 5,0 |
| | Mẹ không có sữa nên trẻ bú sữa ngoài | 04 | 4,0 |
| | Lý do khác | 04 | 4,0 |

Nhận xét: Trong 100 bà mẹ khi được hỏi về việc kể từ khi trẻ được sinh ra và bú mẹ lần đầu tiên trong bao lâu, bà mẹ trả lời trẻ được bú mẹ ngay lập tức chiếm tỷ lệ cao nhất

với 35,0%, tiếp đến là trong vòng 30 phút sau sinh ra chiếm 29,0%, 9,0% bú mẹ trong vòng khoảng 1 giờ (7,0%) và 2 giờ sau sinh (2,0%), 14,0% là tỷ lệ trẻ được bú mẹ từ 2 đến 24 giờ và có 5,0% trẻ được bú mẹ sau 1 ngày. Đáng chú ý có đến 4,0% bà mẹ không có sữa nên trẻ bú sữa ngoài và 4,0% lý do khác.

Bảng 1.8. Thực hành cho con bú sữa mẹ

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|---|---------------------|------------|-----------|
| Chị có được thực hành cho con bú sữa mẹ không? | Hộ sinh, điều dưỡng | 81 | 81,0 |
| | Bác sĩ | 27 | 27,0 |
| | Người nhà | 31 | 31,0 |
| | Không có ai hỗ trợ | 04 | 4,0 |

Nhận xét: Trong 100 các bà mẹ được hỏi về việc hỗ trợ thực hành cho con bú mẹ, bà mẹ được hộ sinh, điều dưỡng hướng dẫn chiếm tỷ lệ cao nhất với 81,0%, tiếp đến tỷ lệ 31,0% người nhà. Tỷ lệ bà mẹ được Bác sĩ hướng dẫn chiếm 27,0% và đặc biệt có 4,0% bà mẹ không được hướng dẫn.

Bảng 1.9. Hỗ trợ thực hành cho con bú sữa mẹ

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|---|--|------------|-----------|
| Hỗ trợ thực hành cho con bú bằng cách nào? | Trực tiếp hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú đúng cách | 87 | 87,0 |
| | Mát-xa vú | 30 | 30,0 |
| | Thực hành vắt sữa | 22 | 22,0 |
| | Thông tắc tia sữa | 18 | 18,0 |
| | Khác | 03 | 3,0 |

Nhận xét: Tỷ lệ cao nhất về thực hành cho con bú sữa mẹ về trực tiếp hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú đúng cách tỷ lệ 87,0%; tiếp đến tỷ lệ hướng dẫn Mát-xa vú 30,0%; 22,0% thực hành vắt sữa, thông tắc tia sữa 18,0%.

Bảng 1.10. Cho con ăn thức ăn khác ngoài sữa mẹ

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|--|------------------------------------|------------|-----------|
| Trong thời gian ở bệnh viện, chị có | Chỉ cho bú sữa mẹ hoàn toàn (100%) | 76 | 76,0 |
| | Cho uống thêm nước | 04 | 4,0 |
| | Cho uống thêm sữa công thức | 33 | 33,0 |

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|---|---------------------------------------|------------|-----------|
| cho con ăn thức ăn gì khác không? | Cho ăn thêm các thức ăn khác | 04 | 4,0 |
| | Cho uống thuốc bổ/thực phẩm chức năng | 02 | 2,0 |
| | Cho uống thuốc điều trị bệnh | 04 | 4,0 |

Nhận xét: Tỷ lệ 76,0% bà mẹ trả lời cho con bú hoàn toàn bằng sữa mẹ, tỷ lệ bà mẹ cho con uống thêm sữa công thức chiếm 33,0%, 14% là sử dụng thực phẩm khác.

Bảng 1.11. Gợi ý mua sữa bột cho trẻ

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|---|-------|------------|-----------|
| NVYT có gợi ý mua sữa bột cho con không? | Có | 03 | 3,0 |
| | Không | 97 | 97,0 |

Nhận xét: Khi được hỏi các bà mẹ về việc nhân viên y tế có gợi ý các bà mẹ mua sữa bột ngoài cho con. Tỷ lệ 97,0% có câu trả lời là không. Chỉ có tới 3,0% các bà mẹ được nhân viên y tế có gợi ý mua sữa bột ngoài cho con.

III. Lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ

Khi được hỏi các bà mẹ về lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ, thì đa phần các bà mẹ trả lời là:

- Sữa mẹ có nhiều chất dinh dưỡng hoàn hảo giúp bé khỏe mạnh, phát triển toàn diện, rất tốt cho cả mẹ và con
- Ít tốn kém, chi phí rẻ, dễ tiêu hóa
- Sữa mẹ giúp bé có sức đề kháng tốt để chống bệnh tật, chống nhiễm khuẩn
- Nuôi con bằng sữa mẹ giúp tăng gắn kết tình cảm mẹ con
- Chống nhiễm trùng, không gây dị ứng cho trẻ
- Giúp tử cung của mẹ co lại nhanh, ngừa ung thư vú
- Giúp mẹ giảm nguy cơ băng huyết sau sinh, tránh nhiễm khuẩn
- Giúp mẹ nhanh hồi phục sức khỏe, thoải mái tâm lý, mau lấy lại vóc dáng.

IV. Kiến thức bà mẹ về thời gian trẻ bú mẹ hoàn toàn

Bảng 1.12. Thời gian bú mẹ hoàn toàn ít nhất và thời gian kéo dài

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|----------------------------|----------------|------------|-----------|
| Thời gian bú mẹ ít nhất | Trong 6 tháng | 35 | 51,0 |
| | Trong 12 tháng | 29 | 21,0 |

| Nội dung | | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|-------------------|----------------|------------|-----------|
| | Trong 24 tháng | 36 | 28,0 |
| Thời gian kéo dài | Trong 6 tháng | 27 | 27,0 |
| | Trong 12 tháng | 33 | 33,0 |
| | Trong 18 tháng | 12 | 12,0 |
| | Trong 24 tháng | 28 | 28,0 |

Nhận xét: Trong 100 bà mẹ khi được hỏi về việc trẻ cần được bú sữa mẹ hoàn toàn trong ít nhất mấy tháng, kéo dài trong bao lâu thì tỷ lệ cao nhất của 2 tiêu mục trên là 51,0% bà mẹ đều trả lời được bé bú sữa mẹ hoàn toàn trong ít nhất 06 tháng và kéo dài trong 12 tháng đạt 33,0%, kế tiếp là bú ít nhất trong 24 tháng với 28,0% và 28,0% bà mẹ cho rằng trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 24 tháng.

V.KẾT LUẬN

Tại bệnh viện việc hướng dẫn các bà mẹ thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ được thực hiện nghiêm túc:

- Bệnh viện có quy định thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ được lắp đặt tại phòng khám, tại khoa sản, phòng chờ sinh, phòng bệnh sau sinh và khoa nhi sơ sinh để truyền thông tin, hướng dẫn cho các bà mẹ nhanh nhất, tiện lợi nhất về các quy định
- Người bệnh đến khám, sinh con tại khoa sản đều được NVYT tư vấn về việc thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ. Tỷ lệ bà mẹ được cắt dây rốn ngay lập tức chiếm đa số. Tuy nhiên, vẫn còn tỷ lệ trường hợp thực hiện cắt dây rốn chậm cho mẹ và bé.
- Hầu hết bà mẹ đều được hướng dẫn cho mẹ và bé thực hiện da kề da sau sinh.
- Đa số bà mẹ đều được cung cấp kiến thức, kỹ năng và hướng dẫn hỗ trợ thực hành cho các bà mẹ về thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo kết quả khảo sát các bà mẹ về việc thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện 6 tháng cuối năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Các phòng, khoa;
- Lưu: VT, QLCL (TA, 03b).



TS.BS. Vũ Trí Thanh

